

Số: 02 /2009/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2009

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số
148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007
hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP
ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc
đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu
hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân**

Căn cứ Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2007/NĐ-CP); Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH) như sau:

I. CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục I Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“1. Thời gian hưởng chế độ ốm đau

a) Thời gian hưởng chế độ ốm đau quy định tại Điều 9 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP tính theo ngày làm việc, không kể ngày nghỉ hằng tuần, ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết và ngày nghỉ phép hằng năm.

b) Trường hợp trong cùng một thời gian người lao động có từ hai con trở lên dưới 7 tuổi bị ốm đau, thì thời gian hưởng chế độ để chăm sóc con ốm đau được tính bằng thời gian thực tế người lao động nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau; thời gian tối đa hưởng chế độ để chăm sóc con ốm đau trong một năm cho mỗi con thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị Bình có một con 1 tuổi bị ốm từ ngày 9 đến ngày 15 tháng 6 năm 2009 và một con 5 tuổi bị ốm từ ngày 12 đến ngày 18

tháng 6 năm 2009 và phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm từ ngày 9 đến ngày 18 tháng 6 năm 2009. Như vậy, thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của đồng chí Nguyễn Thị Bình được tính từ ngày 9 đến ngày 18 tháng 6 năm 2009 là 9 ngày (trừ một ngày nghỉ chủ nhật). Trường hợp này hồ sơ thanh toán cần có giấy khám bệnh của cả 2 con.”

2. Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào Mục I Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“4. Trường hợp người lao động được cơ quan có thẩm quyền cho phép đi khám, chữa bệnh ở nước ngoài, thì được hưởng chế độ ốm đau quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Hồ sơ hưởng chế độ ốm đau gồm: sổ bảo hiểm xã hội; giấy xác nhận của cơ sở y tế trong nước về tình trạng bệnh tật và quá trình điều trị; giấy khám, chữa bệnh do cơ sở y tế nước ngoài cấp và giấy xác nhận của người sử dụng lao động về thời gian nghỉ việc để khám, chữa bệnh ở nước ngoài (bao gồm cả ngày đi và về).

5. Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với người lao động sau khi ốm đau quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

Trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ khi người lao động trở lại làm việc sau khi đã hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong năm mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. Thời gian và mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.”

II. CHẾ ĐỘ THAI SẢN

1. Bổ sung đoạn 3 vào điểm d khoản 4 Mục II Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“ - Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính hưởng chế độ thai sản được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng hưởng chế độ.

Ví dụ 2: Đồng chí thượng úy Trần Thị Thu Trang, Bác sỹ Bệnh viện 198 Bộ Công an, sinh con ngày 10/02/2009, theo quy định đồng chí Trần Thị Thu Trang được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con từ tháng 02/2009 đến tháng 6/2009 (5 tháng). Giả sử tiền lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định từ ngày 01/5/2009 trở đi được điều chỉnh từ 540.000 đồng/tháng lên 650.000 đồng/tháng. Mức hưởng chế độ thai sản khi sinh con của đồng chí Trần Thị Thu Trang được thực hiện như sau:

- Từ tháng 02/2009 đến tháng 4/2009 (3 tháng) đồng chí Trần Thị Thu Trang được hưởng chế độ thai sản với mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc và được tính theo mức lương tối thiểu chung là 540.000 đồng/tháng.

- Từ tháng 5/2009 đến tháng 6/2009 (2 tháng) đồng chí Trần Thị Thu Trang được hưởng chế độ thai sản với mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo

hiểm xã hội của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc và được tính theo mức lương tối thiểu chung là 650.000 đồng/tháng.”

2. Bổ sung điểm đ, điểm e vào khoản 4 Mục II Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“đ) Trợ cấp một lần đối với lao động nữ khi sinh con hoặc người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, thực hiện như sau:

- Trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng người lao động sinh con hoặc tháng người lao động nhận nuôi con nuôi;

- Trường hợp người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP nhưng không nghỉ việc thì chỉ được hưởng trợ cấp một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

e) Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP nếu không hưởng chế độ tiền lương tháng thì người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội. Thời gian này được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Tiền lương được coi là có tính đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi người lao động nghỉ việc để hưởng chế độ thai sản.”

3. Bổ sung khoản 6, khoản 7 vào Mục II Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“6. Đối với những trường hợp người lao động đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thì Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi người lao động sau khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc về cư trú hợp pháp, căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội và quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP để giải quyết trợ cấp thai sản cho đối tượng.

Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Thị Mai, thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp, phục viên tháng 5/2008, có 10 năm 7 tháng liên tục đóng bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2008 đồng chí Nguyễn Thị Mai nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi theo quy định của pháp luật. Đồng chí Nguyễn Thị Mai được bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi cư trú sau khi nghỉ việc chi trả trợ cấp thai sản theo quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

7. Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi nghỉ thai sản

Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với lao động nữ quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP cụ thể như sau:

Trong khoảng thời gian 30 ngày tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sẩy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP hoặc trong

khoảng thời gian 60 ngày tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sinh con quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 13 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. Thời gian và mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.”

III. CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“5. Giám định lại và giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động

a) Giám định lại mức suy giảm khả năng lao động:

Điều kiện để giám định lại mức suy giảm khả năng lao động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội.

Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động sau khi thương tật, bệnh tật tái phát được hướng dẫn như sau:

a1) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007:

- Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động dưới 31% thì được hưởng mức trợ cấp một lần theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động trước khi giám định lại	Mức suy giảm khả năng lao động sau khi giám định lại	Mức trợ cấp một lần
Từ 5% đến 10%	Từ 10% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 11% đến 20%	4 tháng lương tối thiểu chung
	Từ 21% đến 30%	8 tháng lương tối thiểu chung
Từ 11% đến 20%	Từ 20% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới
	Từ 21% đến 30%	4 tháng lương tối thiểu chung
Từ 21% đến 30%	Từ 30% trở xuống	Không hưởng khoản trợ cấp mới

- Trường hợp sau khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng. Mức hưởng theo bảng quy định tại tiết a2 điểm này.

Ví dụ 4: Đồng chí trung úy Nguyễn Tuấn Anh bị tai nạn lao động tháng 12/2006 với mức suy giảm khả năng lao động là 25%, đã nhận trợ cấp tai nạn lao động một lần theo quy định tại Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ là 450.000 đồng x 12 tháng = 5.400.000 đồng. Tháng 12/2008 do thương tật tái phát, đồng chí Nguyễn Tuấn Anh được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 32%. Theo quy định, đồng chí Nguyễn Tuấn Anh được chuyển sang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng của nhóm 1 từ tháng 12/2008, mức lương tối thiểu chung tại tháng 12/2008 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Nguyễn Tuấn Anh được hưởng mức trợ cấp hằng tháng là:

$$540.000 \text{ đồng} \times 0,4 \text{ tháng} = 216.000 \text{ đồng/tháng.}$$

a2) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2007, sau khi giám định lại thì tùy thuộc vào kết quả giám định lại mức suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức trợ cấp hằng tháng theo quy định sau:

Mức suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp hằng tháng
Nhóm 1: Từ 31% đến 40%	0,4 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 2: Từ 41% đến 50%	0,6 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 3: Từ 51% đến 60%	0,8 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 4: Từ 61% đến 70%	1,0 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 5: Từ 71% đến 80%	1,2 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 6: Từ 81% đến 90%	1,4 tháng lương tối thiểu chung
Nhóm 7: Từ 91% đến 100%	1,6 tháng lương tối thiểu chung

a3) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần quy định tại Điều 21 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP:

- Sau khi giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động tăng so với trước đó và dưới 31% thì hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần được tính bằng hiệu số giữa mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới với mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động trước đó.

Ví dụ 5: Đồng chí thượng úy Lê Đăng Bảy, bị tai nạn lao động ngày 14 tháng 6 năm 2007, nằm viện điều trị, đến ngày 20 tháng 7 năm 2007 ra viện về đơn vị tiếp tục công tác. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tháng 5 năm 2007 của đồng chí Lê Đăng Bảy là 3.078.000 đồng, thời gian công tác tính đến tháng 5 năm 2007 là 14 năm 7 tháng. Ngày 14 tháng 9 năm 2007 được Hội đồng giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động 21% và đã được hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần theo quy định tại Nghị định số 68/2008/NĐ-CP.

Tháng 02 năm 2009, do thương tật tái phát được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 30%. Giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02 năm 2009 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Lê Đăng Bảy được hưởng trợ cấp một lần như sau:

$$\begin{aligned} & \{5 \times 540.000đ + (30-5) \times 0,5 \times 540.000đ\} - \{5 \times 540.000đ + (21-5) \times 0,5 \times 540.000đ\} \\ & = 12,5 \times 540.000đ - 8 \times 540.000đ \\ & = 2.430.000đ \text{ đồng.} \end{aligned}$$

- Sau khi giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hàng tháng theo hướng dẫn tại khoản 7 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội đã tính hưởng trợ cấp một lần trước đó.

Ví dụ 6: Cũng trường hợp đồng chí thượng úy Lê Đăng Bảy nêu tại ví dụ 5. Tháng 02/2009 do thương tật tái phát, đồng chí Lê Đăng Bảy được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 35%. Giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02/2009 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Lê Đăng Bảy được hưởng mức trợ cấp hàng tháng như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới (35%) là:

$$\begin{aligned} & 0,3 \times 540.000đ + (35-31) \times 0,02 \times 540.000đ \\ & = 162.000đ + 43.200đ \\ & = 205.200đ \text{ đồng/tháng.} \end{aligned}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội (được tính đến tháng 5/2007) là:

$$\begin{aligned} & 0,005 \times 3.078.000đ + (14-1) \times 0,003 \times 3.078.000đ \\ & = 15.390đ + 120.042đ \\ & = 135.432đ \text{ đồng/tháng.} \end{aligned}$$

- Mức trợ cấp hàng tháng của đồng chí Lê Đăng Bảy là:

$$205.200đ + 135.432đ = 340.632đ \text{ đồng/tháng.}$$

a4) Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng quy định tại Điều 22 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, khi giám định lại có mức suy giảm khả năng lao động thay đổi thì mức trợ cấp hàng tháng mới được tính theo quy định tại khoản 7 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH, trong đó mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động được tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới; mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là mức hiện hưởng.

Ví dụ 7: Cũng trường hợp đồng chí thượng úy Lê Đăng Bảy nêu tại ví dụ 5 nhưng mức suy giảm khả năng lao động do Hội đồng giám định y khoa kết luận

ngày 14/9/2007 là 31%, đang được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng theo Điều 22 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, trong đó mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội hiện hưởng là 135.432 đồng/tháng. Do thương tật tái phát, tháng 02/2009 đồng chí Lê Đăng Bảy được giám định lại, mức suy giảm khả năng lao động mới là 40%. Giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02/2009 là 540.000 đồng/tháng, đồng chí Lê Đăng Bảy được hưởng mức trợ cấp hằng tháng như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới (40%) là:

$$\begin{aligned} & 0,3 \times 540.000 \text{ đ} + (40-31) \times 0,02 \times 540.000 \text{ đ} \\ & = 162.000 \text{ đ} + 97.200 \text{ đ} \\ & = 259.200 \text{ đồng/tháng.} \end{aligned}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là mức hiện hưởng bằng 135.432 đồng/tháng.

- Mức trợ cấp hằng tháng của đồng chí Lê Đăng Bảy là:

$$259.200 \text{ đ} + 135.432 \text{ đ} = 394.632 \text{ đồng/tháng.}$$

a5) Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định lại mức suy giảm khả năng lao động quy định tại điểm này được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng có kết luận giám định lại của Hội đồng giám định y khoa.

b) Giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động:

Điều kiện để giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội.

Mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động được hướng dẫn như sau:

Đối với người lao động đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần hoặc hằng tháng mà từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mới thì tùy thuộc vào mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định tổng hợp để giải quyết trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH, trong đó:

b1) Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới được tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng ra viện của lần điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng hoặc tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng giám định y khoa nếu không phải điều trị nội trú.

b2) Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội sau khi giám định tổng hợp được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội và tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng.

Ví dụ 8: Đồng chí Đặng Văn Hùng, nhân viên Ban Cơ yếu Chính phủ, bị tai nạn lao động tháng 5/2007, mức suy giảm khả năng lao động là 32%, đang

được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng theo Điều 22 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP. Tháng 01/2009 đồng chí Đặng Văn Hùng bị tai nạn lao động lần 2, được điều trị tại bệnh viện. Sau khi điều trị ổn định, tháng 02/2009 được ra viện về đơn vị tiếp tục công tác, tháng 3/2009 được giám định tổng hợp tại Hội đồng giám định y khoa với mức suy giảm khả năng lao động sau khi giám định tổng hợp là 36%. Tính đến tháng 12/2008 đồng chí Đặng Văn Hùng có 15 năm 6 tháng đóng bảo hiểm xã hội, mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội tháng 12/2008 là 2.452.950 đồng (hệ số 3,95; thâm niên nghề 15%), giả sử mức lương tối thiểu chung tại tháng 02/2009 là 540.000 đồng/tháng, trợ cấp hằng tháng của đồng chí Đặng Văn Hùng sau khi giám định tổng hợp được tính như sau:

- Mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động mới (36%) sau khi giám định tổng hợp là:

$$\begin{aligned} & 0,3 \times 540.000 \text{ đ} + (36-31) \times 0,02 \times 540.000 \text{ đ} \\ & = 162.000 \text{ đ} + 54.000 \text{ đ} \\ & = 216.000 \text{ đồng/tháng.} \end{aligned}$$

- Mức trợ cấp tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội (tính đến tháng 12/2008) là:

$$\begin{aligned} & 0,005 \times 2.452.950 \text{ đ} + (15-1) \times 0,003 \times 2.452.950 \text{ đ} \\ & = 12.265 \text{ đ} + 103.024 \text{ đ} \\ & = 115.289 \text{ đồng/tháng.} \end{aligned}$$

- Mức trợ cấp hằng tháng của đồng chí Đặng Văn Hùng là:

$$216.000 \text{ đ} + 115.289 \text{ đ} = 331.289 \text{ đồng/tháng.}$$

c) Thời điểm hưởng trợ cấp:

- Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định lại mức suy giảm khả năng lao động được tính kể từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa;

- Thời điểm hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động được tính kể từ tháng người lao động điều trị xong, ra viện của lần điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau cùng hoặc tại tháng có kết luận giám định tổng hợp của Hội đồng giám định y khoa nếu không phải điều trị nội trú.

d) Trách nhiệm thực hiện:

Theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp người lao động, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm giới thiệu người lao động đến Hội đồng giám định y khoa để giám định lại hoặc giám định tổng hợp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“8. Cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình

Việc cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Điều 24 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP thực hiện như sau:

Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì tùy theo tình trạng thương tật, bệnh tật được cấp tiền để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình theo chỉ định tại các cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động-Thương binh và Xã hội hoặc của bệnh viện cấp tỉnh, thành phố trở lên (gọi tắt là cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng), cụ thể như sau:

a) Chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình:

a1) Đối với người bị cụt chân, cụt tay, bị liệt:

- Người bị cụt chân được cấp tiền để mua chân giả, niên hạn là 3 năm (nếu cư trú ở miền núi, vùng cao thì niên hạn là 2 năm); mỗi năm được cấp thêm 170.000 đồng để mua các vật phẩm phụ;

- Người bị mất cả bàn chân hoặc nửa bàn chân không có khả năng lắp chân giả hoặc bị ngắn chân, bàn chân bị lệch vẹo được cấp tiền để mua một đôi giày chỉnh hình hoặc một đôi dép chỉnh hình, niên hạn là 2 năm;

- Người bị cụt tay được cấp tiền để mua tay giả, niên hạn là 5 năm; mỗi năm được cấp thêm 60.000 đồng để mua các vật phẩm phụ;

- Người bị liệt toàn thân hoặc liệt nửa người hoặc liệt 2 chân hoặc cụt cả 2 chân không còn khả năng tự di chuyển thì được cấp tiền một lần để mua một chiếc xe lăn hoặc xe lắc; mỗi năm được cấp thêm 300.000 đồng để bảo trì phương tiện.

Mức tiền được cấp để mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình thực hiện theo Bảng giá phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình trong phụ lục kèm theo Thông tư này.

a2) Đối với người bị hỏng mắt, gãy răng, bị điếc:

- Người bị hỏng mắt được cấp tiền một lần để lắp mắt giả theo chứng từ thực tế của cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng nơi điều trị;

- Người bị gãy răng được cấp tiền để làm răng giả với mức giá 1.000.000 đồng/1 răng, niên hạn là 5 năm;

- Người bị điếc cả 2 tai được cấp 500.000 đồng để mua máy trợ thính, niên hạn là 3 năm.

b) Chế độ thanh toán tiền tàu, xe:

Người lao động quy định tại điểm a nêu trên được thanh toán một lần tiền tàu, xe đi và về theo giá quy định của nhà nước với phương tiện giao thông phổ thông từ nơi cư trú hoặc từ nơi làm việc đến cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng gần nhất.

c) Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ:

- Cấp giấy giới thiệu tới các cơ sở chữa bệnh và phục hồi chức năng cho người đang trực tiếp quản lý, thuộc diện được trang cấp đi làm các phương tiện phù hợp với chức năng bị tổn thương;

- Cấp tiền mua các phương tiện được trang cấp và tiền cấp thêm theo quy định tại điểm a nêu trên; thanh toán tiền tàu xe đi lại theo quy định tại điểm b nêu trên.”

3. Bổ sung khoản 10 vào Mục III Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“10. Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, thực hiện như sau:

Trong khoảng thời gian 60 ngày, tính từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa mà sức khỏe còn yếu thì người lao động được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. Thời gian và mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.”

IV. CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

1. Bổ sung điểm e vào khoản 6 Mục IV Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“e) Trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, người lao động có từ hai giai đoạn trở lên thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định thì việc tính bình quân tiền lương ở khu vực nhà nước được tính theo quy định tại các điểm a, b, c và d nêu trên phụ thuộc vào thời điểm đầu tiên người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Ví dụ 9: Đồng chí trung úy CN Mai Thị Hồng, có diễn biến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội như sau:

- Từ tháng 02/1994 đến tháng 12/2003 là giáo viên trường trung học cơ sở;
- Từ tháng 01/2004 nghỉ việc không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trước đó (9 năm 11 tháng);
- Tháng 9/2006 được tuyển dụng vào đơn vị quân đội, chuyển xếp lương trung cấp nhóm 1, bậc 3, hệ số lương 4,10, phiên quân hàm trung úy CN.

Như vậy, sau này khi giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu hoặc trợ cấp một lần khi phục viên được tính bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi đồng chí Mai Thị Hồng nghỉ hưu hoặc phục viên (do thời điểm đầu tiên đồng chí Hồng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là vào tháng 02/1994.”

2. Bổ sung khoản 10, khoản 11, khoản 12 vào Mục IV Phần A Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“10. Đối với những trường hợp người lao động bị kết án tù giam từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 trở đi hoặc xuất cảnh trái phép hoặc bị toà án tuyên bố là mất tích, sau khi chấp hành xong án phạt tù giam hoặc về nước định cư hợp pháp hoặc được toà án tuyên bố mất tích trở về, nếu chưa được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trước đó thì cơ quan, đơn vị cũ có trách nhiệm báo cáo Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ cấp sổ bảo hiểm xã hội (nếu chưa được cấp sổ bảo hiểm xã hội) và giải quyết chế độ hưu trí hoặc chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu thời gian công tác trước đó, giới thiệu về bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố nơi cư trú hợp pháp tiếp nhận và giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

11. Người lao động đã được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, có thời gian gián đoạn không lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng mà không uỷ quyền cho người khác lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, để được tiếp tục hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, người lao động có đơn đề nghị nêu rõ lý do gián đoạn lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc không bị phạt tù giam hoặc không xuất cảnh trái phép hoặc không bị toà án tuyên bố là mất tích trong thời gian không lĩnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng.

Những tháng chưa nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với trường hợp người lao động có đủ điều kiện trên được cơ quan bảo hiểm xã hội hoàn trả theo mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định ở từng tháng đó, không bao gồm tiền lãi.

12. Đối với người bị tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng quy định tại Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội thì thời điểm tiếp tục hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng được tính kể từ tháng liền kề sau tháng người bị kết án tù giam chấp hành xong án phạt tù giam, hoặc tháng người được toà án tuyên bố là mất tích trở về (theo ngày tháng ghi trong quyết định) hoặc tháng người xuất cảnh trở về định cư hợp pháp (theo ngày tháng nhập cảnh).”

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Phần C Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH như sau:

“7. Căn cứ vào các quy định nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP, Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, hướng dẫn tại Thông tư số 19/2008/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và hướng dẫn tại Thông tư này, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện cho phù hợp với đặc điểm tổ chức của Bộ, ngành mình.”

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định tại Thông tư này về chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ hưu trí được áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về liên Bộ để xem xét, hướng dẫn giải quyết. /.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LĐTBXH
THỨ TRƯỞNG



ĐÀM HỮU ĐÀO

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



**Thượng tướng
Nguyễn Khánh Toàn**

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG



**Thượng tướng
Nguyễn Văn Đước**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VPTU Đảng và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở LĐ-TBXH, sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- BHXH Việt Nam;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;
- Lưu VT: BQP, BCA, BLĐTBXH.

Phụ lục

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 02 /2009/TTLT/BQP-BCA-BLĐTBXH ngày 12/01/ 2009 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

BẢNG GIÁ PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP VÀ DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH
(Quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2006/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 21/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế)

Số TT	Loại dụng cụ	Số tiền(đ)/1 niên hạn được cấp
1	Chân tháo khớp hông	3.186.000
2	Chân trên	1.488.000
3	Chân tháo khớp gối	1.864.000
4	Chân tháo khớp bàn	1.165.000
5	Chân dưới dây đeo số 8	1.088.000
6	Chân dưới có bao da đùi	1.115.000
7	Nẹp hông	1.047.000
8	Nẹp đùi	603.000
9	Nẹp cẳng chân	476.000
10	Giày chỉnh hình	862.000
11	Dép chỉnh hình	504.000
12	Tay tháo khớp vai	1.884.000
13	Tay trên	1.733.000
14	Tay dưới	1.314.000
15	Xe lắc	2.738.000
16	Xe lăn tay gấp	1.945.000